

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/LĐ-PT  
Ngày: 12-11-2018  
V/v tranh chấp đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhân.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cường;  
Ông Phan Trí Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01, 05 và 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số 20/2018/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm 1978; thường trú: Thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông B, sinh năm 1988; địa chỉ: Thị xã D, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V; địa chỉ: Quận H, Thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đ - Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận H (theo Giấy ủy quyền số 693/UQ-BHXX ngày 25/10/2018).

Ông B và ông T có mặt tại phiên tòa, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/8/2015, ông T và Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) có ký kết Hợp đồng lao động thử việc số 490/QĐTV-V, thời gian thử việc từ ngày 03/8/2015 đến ngày 30/9/2015, với vị trí là cán bộ Hành chính vật tư tại Bình Dương. Ngày 09/10/2015 ông T được Công ty V tiếp nhận chính thức là cán bộ Hành chính vật tư bằng Quyết định số 531/QĐTN-V làm việc tại Bình Dương, liền sau đó ngày 28/10/2016 ông T được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng ban kho vận Miền Nam, tiếp tục công tác đến ngày 15/3/2017, ông T nhận được Quyết định buộc thôi việc kể từ ngày 24/02/2017. Mức lương trung bình liền kề trước khi ông T chấm dứt hợp đồng lao động là 12.581.000 đồng (bao gồm lương cơ bản, lương trách nhiệm, phụ cấp ăn trưa và phụ cấp điện thoại). Trong thời gian làm việc tại Công ty V, ông T luôn hoàn thành công việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, ông T có liên hệ với bảo hiểm xã hội thì được biết Công ty V không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ thời điểm ông T được tiếp nhận là nhân viên chính thức tại Công ty V (01/10/2015).

Việc Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T không chỉ làm ảnh hưởng đến uy tín, mà còn gây thiệt hại về kinh tế, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V thanh toán cho ông T tổng cộng số tiền 259.616.091 đồng, bao gồm:

1. Buộc Công ty V phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tạm tính:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc (tạm tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2018) 12.581.000 đồng x 16 tháng 13 ngày = 208.730.227 đồng.

- 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 02 tháng x 12.581.000 đồng = 25.152.000 đồng;

2. Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước (12.581.000 đồng/22 ngày) x 45 ngày = 25.733.864 đồng.

3. Buộc Công ty V đóng tiền bảo hiểm xã hội, tiền bảo hiểm y tế, tiền bảo hiểm thất nghiệp kể từ ngày ông T được Công ty V tiếp nhận chính thức đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/8/2018).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp 03 tháng liên tục với số tiền 8.000.000 đồng x 60% x 3 tháng = 14.400.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Quyết định số 490/QĐTV-V ngày 10/8/2015 của Công ty TNHH N, Quyết định số 531/QĐTN-V ngày 09/10/2015 của Công ty TNHH N, Quyết định số 339/2016/QĐBN-VM ngày 28/10/2016 của Công ty TNHH N, Quyết định số 54/2017/QĐBTVM ngày 28/02/2017 của Công ty TNHH N và Thông báo số 16/2017/TB-VN ngày 23/02/2017 của Công ty TNHH N.

- Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty V do ông M là đại diện theo ủy quyền đã được tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 15/3/2018, ngày 24/5/2018 và ngày 01/6/2018, tham gia phiên tòa vào các ngày 11/7/2018 và ngày 01/8/2018 nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội quận H, Thành phố Hà Nội do ông Đ đại diện trình bày:* Qua hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty V (trước đây là Công ty TNHH N) hiện đang lưu trữ tại Bảo hiểm xã hội quận H, Thành phố Hà Nội đối với trường hợp của ông T, Công ty V không tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động này. Do vậy, Bảo hiểm xã hội quận H, Thành phố Hà Nội không thể cung cấp cho Tòa án về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, mức lương tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T. Ý kiến của Bảo hiểm xã hội quận H trong trường hợp người lao động yêu cầu Công ty V đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, quan điểm của Bảo hiểm xã hội quận H là nếu trong trường hợp doanh nghiệp xuất trình đầy đủ hồ sơ quản lý lao động của ông T thì Bảo hiểm xã hội quận H sẽ tiến hành truy thu tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH V bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp 03 tháng liên tục với số tiền 14.400.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Buộc Công ty TNHH V có trách nhiệm bồi thường cho ông T tổng cộng 214.618.181 đồng (hai trăm mười bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi một đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH V phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T kể từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/8/2018, chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho ông T.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH V chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty TNHH V còn phải trả cho ông T lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2018, bị đơn Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Công ty V xác định chỉ kháng cáo đối với phần 2 quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với những lý do: Công ty đã thông báo qua email nội bộ cho ông T thực hiện thủ tục đóng bảo hiểm xã hội nhưng ông T không thực hiện, quá trình làm việc ông T có nhiều sai phạm gây ảnh hưởng đến công ty. Đại diện nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T nhưng không thực hiện đúng quy định tại điều 38 Bộ luật Lao động, đối chiếu Điều 41 Bộ luật Lao động thì có căn cứ xác định Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đó đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc Công ty V phải thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động là có căn cứ. Tuy nhiên, về mức lương làm căn cứ bồi thường, cấp sơ thẩm chấp nhận mức lương trong đó bao gồm tiền ăn trưa 400.000 đồng là không phù hợp quy định tại Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về mức lương làm căn cứ bồi thường.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đ là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội quận H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

Ngày 01/8/2018, Tòa án nhân dân thị xã D xét xử vụ án và ban hành Bản án lao động sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST, đại diện bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, ngày 15/8/2018 bị đơn nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 21/8/2018 (theo dấu bưu điện), bị đơn có đơn kháng cáo bản án là trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn xác định chỉ kháng cáo đối với phần 2 quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án chấp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[2] Xem xét việc chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn Công ty V:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc ký kết hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 15/3/2017, ông T nhận được Quyết định buộc thôi việc kể từ ngày 24/02/2017, với lý do ông T không hoàn thành công việc, có nhiều sai phạm trong quá trình làm việc.

Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động:

*1. Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong những trường hợp sau đây:*

*a) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;*

.....

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động:

*“1. Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động...”*

Xem xét Nội quy lao động Công ty không quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Về Quy chế lương, thưởng và xét hệ số trách nhiệm công việc được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-VM ngày 05/02/2016 của Công ty, tại Chương III có quy định về hệ số trách nhiệm công việc nhưng không quy định cụ thể về các tiêu chí để xác định người lao động như thế nào là không hoàn thành công việc, chất lượng công việc giám sát. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nguyên đơn không hoàn thành công việc hoặc có sai phạm trong quá trình làm việc.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động *“khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn”*. Xét thấy, ngày 15/3/2017 ông T nhận quyết định về việc buộc

thôi việc kể từ ngày 24/02/2017. Như vậy, bị đơn đã vi phạm thời hạn báo trước cho nguyên đơn, cụ thể là vi phạm 45 ngày.

Do đó, đối chiếu với quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động, Hội đồng xét xử thấy rằng khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động nên xác định bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[3] Do bị đơn Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội trong những ngày không được làm việc (16 tháng 13 ngày); bồi thường 02 tháng tiền lương và bồi thường một khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không được báo trước (45 ngày) là phù hợp với quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động.

Tuy nhiên, về mức lương làm căn cứ bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lương 10.400.000 đồng trong đó bao gồm tiền ăn trưa 400.000 đồng là không phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về mức lương làm căn cứ bồi thường là 10.000.000 đồng.

[4] Như vậy, các khoản bị đơn phải bồi thường bao gồm:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 15/3/2017 đến ngày 01/8/2018 (16 tháng 13 ngày), thành tiền: 10.000.000 đồng/tháng x 16 tháng 13 ngày = 165.909.090 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật 10.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 20.000.000 đồng.

- Bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước (45 ngày) là 20.454.545 đồng.

Tổng cộng: 206.363.635 đồng.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T kể từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/8/2018.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là hoàn toàn phù hợp.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH V, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 08/2018/LĐ-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 36, 38, 41, 42 và Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1.1 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH V bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp 03 tháng liên tục với số tiền 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)

1.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn Công ty TNHH V.

Buộc Công ty TNHH V thanh toán cho ông T: Tiền lương trong những ngày không được làm việc là 165.909.090 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương là 20.000.000 đồng; bồi thường do vi phạm thời gian báo trước là 20.454.545 đồng. Tổng cộng số tiền 206.363.635 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

Buộc Công ty TNHH V phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T kể từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/8/2018, chốt sổ bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho ông T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3 Về án phí sơ thẩm: Ông T không phải chịu.

Công ty TNHH V phải chịu 6.109.909 đồng (sáu triệu một trăm lẻ chín nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH V không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D hoàn trả cho Công ty TNHH V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0020059 ngày 29/8/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP, Tòa LĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trần Thị Nhàn**